

**KIM CƯƠNG ĐỈNH THẮNG SỞ DU GIÀ TRUNG LƯỢC XUẤT
ĐẠI LẠC KIM CƯƠNG TÁT ĐỎA NIỆM TỤNG NGHI**

Phạn Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_ Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí_ Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn **BÁT KHÔNG** phụng chiếu dịch

Phạn Việt dịch: HUYỀN THANH

_ Cúi đầu lễ Đại Mật

Từ **Tri Kim Cương** sinh

Mở diễn Nghi vi diệu

Khé chân thật giản yếu

Người tu tập Du Già

Nguyên hưng tâm lợi lạc

Hết mùi phương không sót

Tất cả Giới Chúng Sinh

Thành tựu Tính Chân Ngôn

Tùy theo ý xung tụng

ॐ स्र्वा योर्गा स्र्वा योर्गा यमि

“**Án (1) tát phộc du nga chất đa (2) mầu đáp-bá na dạ nhĩ**

*)OM_ SARVA YOGA-CITTAM UTPĀDA YAMI

_ Do vừa phát tâm này

Diệt trừ tất cả chướng

Được an vui, thích ý

Vượt hơn chúng Ma La (Māra:Ma chướng)

Liên đồng các Như Lai

Thế (đời) Thiên (Trời) đều cúng dường

Biết Pháp không Tự Tính

Đạt Thắng Nghĩa Bồ Đề

Nghĩ trong Thể của mình

Tâm Phổ Hiền như trăng

Thân Tướng về **Không Tịch** (lặng lẽ trống rỗng)

Phun hiện **Bạt Chiết La**

Ngũ Cổ trắng bóng loáng

Thành dung mạo **Tất Đỏa** (Vajra-satva)

Đài sen, chất trắng tinh

Dùng năm Phật nghiêm mào

Áo đỏ, hào quang đỏ

An trú trong Viên Minh (vòng ánh sáng tròn trịa)

Chân Ngôn với Tự Ấn

Theo thứ tự kiến lập

Nhân Già ngồi Bán Già

Chi trái đè chân phải

Trí Quyền (quyền phải) ném Luân (bánh xe) xong
Đem đè ở lòng ngực
Hồng (HŪM) là **Tâm Chân Ngôn**
Định Quyền (quyền trái) chặm che háng
Thân Ngữ Ý Kim Cương
Dùng nghiêng lệnh Chi Phần
Thành **Bản Tôn Đại Ấn**

_ Tiếp kết **Kim Cương Chương**

Dụng hợp giao đầu ngón
Mật Ngôn, xung như vậy

ॐ ॐ ॐ ॐ

“**Phộc nhật lan, nhược lý**”

*)VAJRA- AMJALI

_ Liên làm **Kim Cương Phộc**

Minh ấy bày như sau

ॐ ॐ ॐ ॐ

“**Phộc nhật-la, mãn đà**”

*)VAJRA BANDHA

_ Mở **Phộc**, vỗ đập tim

Nên tụng Mật Ngôn là:

ॐ ॐ ॐ ॐ

“**Phộc nhật-la , mãn đà (1) đát-la tra (2)**”

*)VAJRA BANDHA TRAT

_ Tiếp **Kim Cương Phộc** trước

Thiên Trí (2 ngón cái) cách Đàn Tuệ (2 ngón út)

Xung **Biến Nhập Chân Ngôn**

Giáng lâm mỗi gia hộ

ॐ ॐ ॐ ॐ

“**Phộc nhật-la phệ xả (1) ác (2)**”

*)VAJRA VEŚA (?AVIŚA) AH

_ Chẳng sửa Khế lúc trước

Thiên Trí (2 ngón cái) gia Tiến Lược (2 ngón trỏ)

Đây là **Tam Muội Quyền**

Chân Ngôn, tụng như vậy

ॐ ॐ ॐ ॐ

“**Phộc nhật-la, mẫu sắt-tri (1) Hàm (2)**”

*)VAJRA MUṢṬI VAM

_ Chia Quyền ấy làm hai

Trái chặm, phải an tim

Thân Ngữ Ý Kim Cương

Hình thể y Sơ Quán (Quán lúc ban đầu)

Cùng **Phộc** trước làm chuẩn

Trí (ngón cái trái) và Tiên (ngón trở phải) như cửa
Thiền (ngón cái phải) lẩn ở trong ấy
An tim, trán, huyệt, đỉnh
Đều tụng Chân Ngôn này:

ॐ ॐ ॐ

“**Tổ la đa, tát-đát-phạm**”

*)SURATA STVAM

_Lại bày Kim Cương Phộc
Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) thành dạng đao
Tiên Lục (2 ngón trở) vịn cạnh mũi (mũi nhọn của đao)
Y theo vạch thứ nhất
Thiền (ngón cái phải) đờ ở đầu Trí (ngón cái trái)
Như thế Kết Già Phu
Ẩn đỉnh, tim nên tưởng
Tỳ Lô Giá Na Phật (Vairocana)
Nghiêm nhiên, sáng trắng tinh
Tụng Chân Ngôn này là:

ॐ ॐ ॐ

“**Án, bộ khiêm**”

*)OM_ BHŪH KHAM

_Tiếp nên ấn vàng trán
Nên tưởng **A Súc Bệ** (Akṣobhya)
Màu xanh ở phía trước
Xung câu **Bí Minh** này:

ॐ ॐ ॐ

“**Phộc nhật-la tát đát-phộc**”

*)VAJRA-SATVA

_Tiếp ấn bên phải đỉnh
Tên ấy: **Bảo Sinh Tôn** (Ratna-sambhava)
Màu vàng, tướng đoan nghiêm
Chân Ngôn, tụng như vậy

ॐ ॐ ॐ

« **Phộc nhật-la, la đát-na** »

*)VAJRA-RATNA

_Nâng đở phía sau đỉnh
Vô Lượng Thọ Như Lai (Amitāyuh)
Màu đỏ, nghi thù đặc
Xung Chân Ngôn này là:

ॐ ॐ ॐ

« **Phộc nhật-la, đát ma** »

*)VAJRA-DHARMA

_Lại đến bên trái đỉnh
Bất Không Thành Tựu Tôn (Amogha-siddhi)

Màu lục, vòng năm Phật

Tụng câu **Bí Minh** này:

𑖀𑖄𑖂𑖄

« **Phộc nhật-la, yết ma** »

*)VAJRA-KARMA

_ Tiếp tác **Bảo Man Âm**

Quán Đỉnh dùng nghiêm thân

Dùng hai tay Kim Cương

Liên cột buộc trước trán

Lại chia quyền sau ót

Như trước cột vòng hoa

Từ Đản Tuệ (2 ngón út) mở dần

Đem Vũ (bàn tay) hạ hai bên

Tưởng như rũ đai lụa

Tiếp lại tụng Chân Ngôn:

𑖀𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄

“**Ân (1) phộc nhật-la, ma la tỳ sấn giả (2) mãn (3) hàm**”

*)OM_ VAJRA-MĀLA ABHIṢIṂCA MĀM VAM

_ Định Tuệ vũ (2 bàn tay) đều duỗi

Cùng **Phách Khế** thành tựu

Hay thích tất cả Thánh

Chân Ngôn, xưng như vậy:

𑖀𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄

“**Phộc nhật-la (1) đồ sử-dã (2) hộc (3)**”

*)VAJRA TUṢYA HOḤ

_ **Kim Cương Mạn Âm Minh**

Lắng tâm, tụng một biến:

𑖀𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄𑖂𑖄

“**Tát phạm củ lỗ (1) dã tha, tổ khiếm**”

*)SARVAṂ KURU YATHĀ SUKHAṂ

_ Lại đủ **Minh** như trên

Mão Kim Cương Tát Đỏa

Dùng sắc thân năm Phật

An trụ, tương ứng Âm

Biển Chiếu Bạc Già Phạm (Vairocana)

Khế trụ Như Lai Quyền

Tiếp bày **A Súc Bệ** (Akṣobhya)

Định Vũ (bàn tay trái) cầm góc áo

Thành quyền án trên tim

Tuệ (tay phải) chạm đất như Nghi

Thí Nguyệt, Bảo Sinh Tôn (Ratna-sambhava)

Trí Chương (lòng bàn tay phải) ngựa ngang vú

Vô Lượng Quang (Amitābha) **Thắng Âm**

Định Quyền (quyền trái) cầm sen che

Tuệ Quyên (quyên phải) tự bóc hoa
Lại như **Vô Động Phật** (Akṣobhya)
Trí Vũ (bàn tay phải) tương ba phan (Tam Phan:3 cây phan)
Như bạt tế Hữu Tinh
Giương chuông ở bên vú

Bất Không Thành Tựu (Amogha-siddhi) **Ấn**

Lại tác **Kim Cương Phộc**
Mở chuông, hợp Thiền Trí (2 ngón cái)
Đàn Tuệ (2 ngón út) thẳng như núi (phong: đỉnh núi)
Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) vào trong chuông (lòng bàn tay)
Hợp nhau như mũi tên
An tim, trán với họng
Ở đỉnh đầu cũng vậy
Đều dùng **Tâm Mật Ngữ**

ॐ

“**Hông**”

*)HŪM

Đại Lạc Tùy Tâm Ấn

Dùng kết Hô thân mình
Ấn trước, Tiến (ngón trỏ phải) đâm tim
Tụng câu Chân Ngôn sau:

ॐ मङ्गलसुखं वज्रसत्त्वं यत्किं मां मङ्गलसुखं वज्रसत्त्वं समयमनुपलया
प्रबुद्धं बुद्धं सुरागं सुमरुत्तं मरुत्तं सुरागं सुमरुत्तं सुदृढं मरुत्तं
सुप्रभं मरुत्तं मरुत्तं मरुत्तं मरुत्तं मरुत्तं मरुत्तं मरुत्तं मरुत्तं मरुत्तं मरुत्तं
मरुत्तं मरुत्तं मरुत्तं मरुत्तं मरुत्तं मरुत्तं मरुत्तं मरुत्तं मरुत्तं मरुत्तं मरुत्तं
ॐ ह्रूं ह्रूं

“Hệ (1) ma ha tổ khư, phộc nhật-la tát đất-phộc dạ hứ (2) thí-ngật-lâm (3) ma ha tổ khư phộc nhật-la mục khư , tam muội gia (4) ma nỗ bá la dã (5) bát-la mẫu-đình , mẫu đình (6) tổ la đa, tát-đất-phạm (7) ma noa la cật-đỗ, minh bà phộc (8) tổ đồ sắt-dữu, minh bà phộc (9) tổ địa-lý trụ, minh bà phộc (10) tổ báo sắt-dữu, minh bà phộc (11) bà già phạm (12) năng năng nể ninh đà nặc tát đất-phộc (13) tát phộc tát địa, minh (14) bát-la dã xa, ế sa đất-phộc (15) năng cật-lý sử-dã, bát-la phệ xa (16) tam muội duệ la-phộc đà-phộc (17) phộc thí ca lỗ nhĩ (18) muội mẫu na-la (19) mãn đất-la (20) bả nãi (21) nhược hông (22) hàm (23) hộc (24)”

*)HE MAHĀ-SUKHA VAJRA-SATVA YAKI (?AYĀHI) ŚĪGHRAM MAHĀ-SUKHA VAJRAMOGHA (?VAJRA AMOGHA) SAMAYAM ANUPĀLAYA, PRABUDHYA BUDHYA, SURATA STVAM ANURAKTO MABHAVA (?MEBHAVA) SUTAṢYO (?SUTOṢYO) MUBHAVA (?MEBHAVA) SUDRDHO MOBHAVA (?MEBHAVA) SUPOṢYO MOBHAVA (?MEBHAVA) BHAGAVAM NANA DHANAḤ SARVA (?DHĀNA-SATVA) SARVA SIDHI ME PRAYACCHA, EṢA TVĀNA KRṢYO PRAVEŚYA , SAMAYE RMVA (?SAMAYA ARTHA) DHVAM VAŚI KAROMI ME , ADRĀMATRA PADEḤ (?MUDRA MANTRA-PĀDAI) JAḤ HŪM VAM HOḤ

Các Tôn sẽ vui thích

Cảnh giác Tam Muội Gia

Tụng đến **Nhược Tự Minh** (ॐ _ JAḤ)

Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) như móc câu
 Mở **Câu** ngay tim xong
 Bản Tôn giáng Đạo Trường
 Chúng Thánh cũng đều đến
 Y vị trí mà ngồi
 Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) liền vịn nhau
 Như vòng, thành **Sách Khế**
 Chữ **Hàm** (𑖇 _ HŪM) **dây** dẫn vào
 Hai Độ (2 ngón tay) quấn chặt nhau
 Thành **Tỏa** , ngừng các Thánh
 Chữ **Mộng** (𑖇 _ VAM) là Minh ấy
 Trên dưới, dần dao động
 Thành **Bàn** (tảng đá lớn) xung câu **Hộc** (𑖇 _ HOH)
 Niệm âm thanh vui sướng
 Hay thích Tâm chúng Thánh
 Liên bày **Át Già Khế**
 Trụ chắc **Kim Cương Chưởng**
 Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) bèn hợp nhau
 Tiến Lực (2 ngón trỏ) như móc câu
 Thiên Trí vịn gốc ấy (gốc 2 ngón trỏ)
 Bên Ấn, xung câu **Ấn** (𑖇 _ OM)

𑖇 𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇

“**Ấn, ca lỗ mục khiếm (1) tát phộc đạt ma, na ma na-ngữ (2) nễ-bán năng đát-phộc đa (3)**

*)OM_KAKO MUKHAM, SARVA DHARMMANAM ĀDY-ANUTPANA TVĀṬ
 (?OM_KĀRO MUKHAM, SARVA DHARMANAM ĀDY-ANUTPANA TVĀṬ)

_Liên dâng nước thơm ấy
 Xung **Át Già Minh** sau

𑖇𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇
 𑖇𑖇 𑖇𑖇 𑖇𑖇 𑖇𑖇 𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇 𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇𑖇

“**Bả la ma tố khư xả dã (1) sa la lý đa (2) vĩ la sa năng nhĩ dái la-năng ma nhĩ già phạm đām (3) nhược, hồng hàm, hộc (4) hứ hứ hứ hứ (5) bát-la để xa (6) củ tổ mẫn nhạ lý la-năng tha (7)**”

*)PARAMA SUKĪŚĀYA SALĀLITA VILĀSANA MI TAIRNA MĀ MI BHAGAVAM TAM JAḤ HŪM VAM HOḤ, HI HI HI HI, PRATĪCCHA KUSUMĀM JALIRNĀTHĀ (?JALIRNĀNA)

Phụng hiến sát vàng trán
 Như Nghi tám chúng Thánh
 Y trước quán trắng nay
 Trắng tinh hiện trong Đàn
 Ở nơi Đại Thánh ngự
 Khế trụ **Kim Cương Mạn**

_Lại bày bốn Tôn Vị (vị trí của bốn Tôn)
 Mắt, tên (mũi tên) tại phía trước
 Màu đỏ, quần áo đỏ
 Mão, vòng hoa nghiêm sức

Hai vũ (2 tay) dương cung tên
Nghỉ chiêm ngưỡng Thánh Giả
Kê Lý Kế La Tôn (Kīlikīla)
Màu trắng, ở bên phải
Hai vũ (2 tay) Kim Cương Quyền
Giao ôm Tam Muội Gia
Phía sau, tên là **Ái**
Hình, quần áo màu xanh
Hai Quyền, dựng Tuệ Tý (cánh tay phải)
Chỗ nâng đỡ Định Vũ (tay trái)
Cùng cầm phướng Ma Kiệt
Bên trái, tên là **Mạn**
Màu vàng, quyền tại hàng
Hương trái, hơi cúi đầu
Yết Ma Ấn Chân Ngôn
Gia trì an vị trí
Đại Thánh Kim Cương Mạn
Nên tụng Tâm Mật Ngôn:

ॐ

“**Hông**”

*)HŪM

_ Tiếp lại bày các Tôn
Bắt đầu từ Mật, Tên (mũi tên)
Hai Quyền đều bên chắc
Nghỉ giương cung bắn tên
Tướng Mật Khế đã thành
Bí Minh, tụng như sau:

ॐ वज्र द्रष्टि सयक मत्

“**Nhược (1) phộc nhật-la địa-lý sắt-tri (2) sa dã kế (3) ma tra (4)**”

*)JAḤ_ VAJRA-DRṢṬI SAYAKE MAṬ

_ Hai Vũ (2 tay) dựa Quyền trước
Giao cánh tay ôm ngực
Kê Lý Kế La Tôn
Nên tụng câu sau này:

ॐ वज्र केलिकेले ॐ

“**Hông (1) phộc nhật-la kế lợi cát lệ (2) hông (3)**”

*)HŪM_ VAJRA KELĪKILE (?KĪLIKĪLA) HŪM

_ Tiếp lại sửa Ấn trước
Dựng Tuệ Tý (cánh tay phải) như phướng
Định Quyền (quyền trái) nâng cùi chỏ
Tụng Minh, tên **Ái Khế**
ॐ वज्रम स्मर राट
« **Hàm (1) phộc nhật-lý nễ (2) sa-ma la (3) la tra (4)** »
*)VAM_ VAJRINI SMĀRA RAṬ

_ Hai Quyền đều ở háng
Hương đầu nghiêng bên trái
Tướng **Mạn Khế** vừa thành
Chân Ngôn, tụng như sau:

ॐ वज्र कामेश्वर ॐ

« **Hộc (1) phộc nhật-la ca minh thấp-phộc lý (2) đát-lam (3)** »

*)HOH_ VAJRA KĀMEŚVARI TRĀM

_ Tiếp bày **Nội Cúng Đường**

Khởi đầu, góc Đông Nam

Hình áo trắng dâng hoa

Kim Cương Diệu Thích Duyệt

Kim Cương Thích Duyệt Tính

Màu đen, cầm lò hương

Kim Cương Nhãn hiến đèn

Dùng màu đỏ nghiêm sức

Mạt (hạt nhỏ vụn) làm **Đồ Hương Vị** (vị trí của **Đồ Hương**)

Kim Cương Đại Cát Tường

Hình chất đều màu vàng

_ Tiếp bày tướng Khế ấy

Trước đều múa hai Quyền

Như Nghi vừa kết thành

Đem hai Kim Cương Quyền

Kèm bung ném lên trên

Tướng Diệu Hoa cúng dường

Chân Ngôn tụng như sau:

ॐ वज्र रतिः

« **Hệ (1) phộc nhật-la (2) la để (3)** »

*)HE VAJRA RATIḤ

_ Kèm Quyền ném xuống dưới

Nhớ biển mây hương đốt

Phổ biến khắp tất cả

Tụng Chân Ngôn như sau:

महा रता वज्र ॐ

« **Ma ha la đa phộc nhật-lý (1) hộc (2)** »

*)MAHĀ-RATA VAJRI HOḤ

_ Hai Quyền hợp Thiên Trí (2 ngón cái)

Như đèn, nên vận tướng

Rộng thí làm Phật Sự

Mật Ngôn, tụng như vậy:

ॐ वज्र लोचन

« **Án (1) phộc nhật-la (2) lộ giả ninh (3)** »

*)OM_ VAJRA LOCANE

_ Kèm che hai Quyền ấy

Y ngực bung hai hướng
Như thế **Diệu Đồ Hương** (xoa bôi hương thơm)
Nên tụng Chân Ngôn này:

𑖀𑖩𑖫𑖫𑖫 𑖀𑖩𑖫𑖫𑖫

“**Ma ha thất-lợi (1) phộc nhật-ly (2) hứ (3)**”

*)MAHĀ ŚRĀ (?ŚRĪ) VAJRA HIH

_ Các Tôn Ngoại Cúng Đường

Bốn góc, lại nghĩ tưởng

Đông Nam tên **Hỷ Hý**

Đề hai Quyền ngang tim

Tiểu ở góc Tây Nam

Bung hai vũ (2 tay) bên miệng

Ca ở góc Tây Bắc

Cầm Không Hầu (một loại đàn) búng tay

Đông Bắc, **Vũ** là tên

Như Nghi: thế xoay chuyển

Hình, áo màu vàng ròng

_ Lại bày Chân Ngôn Khê

Che kèm ở hai Quyền

Ràng buộc tim, chuyển phải

Đây là **Hỷ Hý Ấn**

Mình ấy, xưng như sau:

𑖀𑖩𑖫𑖫𑖫 𑖀𑖩𑖫𑖫𑖫 𑖀𑖩𑖫𑖫𑖫 𑖀𑖩𑖫𑖫𑖫

“**Hệ la đế phộc nhật-la (1) vĩ la tứ nễ (2) đát-la tra (3)**”

*)HE RATI VAJRA VILASINI (?VILĀSINI) TRAT

_ Như Ấn trước, bên miệng

Dần bung từ Đàn Tuệ (2 ngón út)

Dương chuông, duỗi cánh tay

Mím cười tụng Chân Ngôn:

𑖀𑖩𑖫𑖫𑖫 𑖀𑖩𑖫𑖫𑖫 𑖀𑖩𑖫𑖫𑖫 𑖀𑖩𑖫𑖫𑖫

Hệ la đế phộc nhật-la (1) hạ tế (2) ha ha (3)

*)HE RATI VAJRA HASE (?HĀSE) HA HA

_ Định Tý (cánh tay phải) như Không Hầu

Sửa Tiên Lực (2 ngón trỏ) hơi co

Tuệ Vũ (bàn tay trái) thế búng dây

Ca hát, tụng Minh ấy

𑖀𑖩𑖫𑖫𑖫 𑖀𑖩𑖫𑖫𑖫 𑖀𑖩𑖫𑖫𑖫 𑖀𑖩𑖫𑖫𑖫

“**Hệ la đế phộc nhật-la (1) nghĩ đế (2) đế đế (3)**”

*)HE RATI VAJRA GĪTE TE TE

_ Hai Quyền múa ở tim

Hợp trên đỉnh, liền bung

Tên gọi **Vũ Khế Tướng**

Liên bày câu Chân Ngôn

ॐ रति वज्र त्र्ये वप वप

“**Hệ la đế phộc nhật-la nễ-lý đế (2) phệ ba, phệ ba (3)**”

*)HE RATI VAJRA TRTYE (?NRTYE) VEPA VEPA

_Bốn **Thừa Chỉ** ở cửa

Sẽ bày hình, nghi phục (quần áo, vật trang sức)

Sơ (cửa Đông) **Tri Câu** màu xanh

Nghiêm lệ nơi cư trú

Nam **Huê Sách** (sợi dây dẫn dắt) đều vàng

Tây: **Chấp Tỏa** màu đỏ

Bắc ấy, tên là **Khánh**

Mão tóc màu xanh lục

Khê ấy với Chân Ngôn

Nay tiếp lại trình bày

Hai Quyền nên ép long

Ngược Đàn Tuệ (2 ngón út) móc nhau

Tiến Lực (2 ngón trỏ) đều ráng duỗi

Lại hơi co Tiến Độ (ngón trỏ phải)

Hơi vời, là **Câu Khê**

Minh ấy, xưng như sau:

ॐ वज्रकुशे ज्ञ

“**Phộc nhật-lãng củ thể (1) nhược (2)**”

*)VAJRAMKUSE JA (?VAJRA AMKUSE JAH)

_Ấn trước, giao Tiến Lực (2 ngón trỏ)

Ngược, đem đầu chạm nhau

Trong ấy như vòng dây

Xung tụng Chân Ngôn sau:

ॐ वज्र पश्ये हूँ

“**Phộc nhật la bá thể (1) hồng (2)**”

*)VAJRA-PASAM (?VAJRA-PĀSE) HŪM

_Sửa Tiến Lực (2 ngón trỏ) móc nhau

Mở Quyền, giao lóng, vời

Liên thành tên **Tỏa Khê**

Mật Ngôn, xưng như vậy:

ॐ वज्र संकले व

“**Phộc nhật-la hướng ca lệ (1) hàm (2)**”

*)VAJRA SAMKALE VAM

_Nhu **Tỏa**, lưng dính nhau

Dao động, **Khánh Minh** là:

ॐ वज्र घंटे ज्ञ

“**Phộc nhật la kiện tai (1) học (2)**”

*)VAJRA-GHAMTE HOH

_Nơi nghiêm sức Đại Thánh

Tòa hoa với quần áo
Ngoài ra thấy Tôn trước
Màu sắc tùy thân tướng
Hình thù đủ mọi Đức
Đầu đội mào năm Phật
Cùng dựng Mạn Trà La
Các vị, trước giữ tướng
Hiện vành trăng tròn sáng
Quán niệm ở trong đó
Bán Già, mặt Bản Tôn
Mắt ưa thích chiêm ngưỡng

_ Lại tuyên Tam Muội Ân
Trình bày trước Bản Tôn
Khê ấy với Chân Ngôn
Như Nghi, đừng sai lầm
Tiếp nên bày Tôn khác
Cũng **mắt, tên** (mũi tên) làm đầu

_ Dựa nơi Hộ Thân trước
Đại Lạc Tùy Tâm Ân
Ráng co Tiên Lực ấy (2 ngón trở)
Phân đầu dính lưng nhau
Thiền Trí (2 ngón cái) kèm nhau đè
Sẽ thành tựu Tướng Khê

_ Dem Thiền (ngón cái phải) đè ở Trí (ngón cái trái)
Giao sâu, liền thành Ân
Tên **Ké Lý Ké La**

_ Tiếp bày tướng **Ma Kiệt**
Tiền (ngón trở phải) móc nơi Nguyệt Độ (ngón giữa trái)
Lực (ngón trở trái) đào đầu Trí ấy (ngón cái trái)
Duỗi Giới Phương (2 ngón vô danh) thành kim
Hợp Đàn Tuệ (2 ngón út) dựng thẳng
Thiền Trí (2 ngón cái) tự kèm nhau
Đều đè bên Tiên Lực (2 ngón trở)
Tướng **Ái Khê** đã thành

_ Chẳng sửa Ân lúc trước
Từ ngoài chạm **Cổ** ấy
Trái phải trước cũng vậy
Lại bày **Nội Cúng Đường**
Xoay nghiêng Kim Cương Chương
Ném trên là **Hoa Ân**
Bụng dưới thành **Thiên Hương**
Thiền Trí (2 ngón cái) ép làm **Đèn**
Đồ Hương y ngực khải
Hỷ Hỷ xoay chuyên lễ

Tiểu Khê sát bên miệng
 Từ Đản Tuệ (2 ngón út) mở dần
 Lại kết **Ca Ân** ấy
 Sửa Lực Độ (ngón trở trái) hơi co
 Tiên (ngón trở phải) bật nhẹ ở giữa
 Định Vũ (tay trái) **Khur Tra Ca**
 Tuệ (tay phải) tác tướng ba phan
 Ngay tim liền xoay chuyển
Tám Cúng Đường đã xong

Thiền Độ (ngón cái phải) giữa Trí (ngón cái trái) Lực (ngón trở trái)
 Ân thành lại làm **Tỏa**
 Vòng Tiên (ngón trở phải) Thiền (ngón cái Phải) Trí (ngón cái trái) Lực (ngón trở trái)
 Vịn xong cùng móc nhau
 Lại tác **Kiên Cố Phộc**
 Thiền Trí (2 ngón cái) dưới Giới Phương (2 ngón vô danh)
 Liền dao động ngay ngực
 Làm **Khánh** thành **Bổn Nhiếp**

Kim Cương Tát Đỏa vị (vị trí của Kim Cương Tát Đỏa)
 Với nơi Hành Giả ngụ
 Đều có mười sáu Tôn
 Vây quanh đóa nghiêm trụ
Tán Vương thuật như sau
 Cần phải nên xưng tụng

सर्वं वृत्तं शिवं सत्त्वमसं वं वज्रसर्वं परमः शिवः सर्वं म
 मन्शिवं वृत्तं ऋद्धिः प्रवृत्तं (सत्त्व) सर्वं वृत्तं वृत्तं

“Tát phộc nỗ la già tổ khur tát đất-mãng năng sa (1) đất-phạm phộc nhật-la tát đất-phộc bạt la mạc tổ la đa (2) bà phộc minh, ma ha tổ khur địa-lý trụ xé đã nặc (3) bát-la để bạt nễ-dã, tát đình giả la ngu bát la năng đa (4)”

*)SARVANURĀGA (?SARVA ANURĀGA) SUKHA SATMANA SATVAM VAJRA-SATVA PARAMAḤ SURATAḤ BHAVA ME, MAHA (?MAHĀ) SUKHA DR̥DHO CCHAYADAḤ PRATIPADYA SIDDHYA CALA GHU PRANATAḤ

Do **Kim Cương Ca** này
 Đại Lạc tùy yêu thích
 Thỏa lòng đều bền chắc
 Sẽ được thành như ý

Lại tụng, tiếp trình bày
Tán tối thắng chân thật
 Hay vừa mới xưng niệm
 Mau khiến tròn Tát Địa

मन्शिवं मन्वृत्तं मन्वज्रं मन्वरा मन्वृत्तं मन्वृत्तं वज्रसर्वं वृत्तं (सत्त्व) म

“Ma ha tổ khur (1) ma ha la già (2) ma ha phộc nhật-la (3) ma ha đà na (4) ma ha nương na (5) ma ha yết ma (6) phộc nhật-la tát đất-phộc đình, tát đà, minh (7)”

*)MAHĀ-SUKHA MAHĀ-RĀGA MAHA-VAJRA (?MAHĀ-VAJRA) MAHA-DHANA (?MAHĀ-DHĀNA) MAHA-JÑĀNA (?MAHĀ-JÑĀNA) MAPHA-KARMMA (?MAHĀ-KARMA) VAJRA-SATVADYA SIDDHYA MI

Tiếp bày tướng **Nhãn Ấn**
Từ Đại Thánh làm trước
Các thứ khác, quán nhìn
Tên Khế cũng phân biệt

Hành Nhân lại nên dùng
Kim Cương Nhãn là Tôn
Đại Thích Duyệt Kim Cương
Bất Không Cảnh Ngộ Ấn
Nên quán mé Tát Đỏa
Kèm hưng tâm Đại Nhiễm
Do Ấn này gia trì
Sẽ mau chóng thành tựu

Tuệ (tay phải) làm tướng ba phan
Định Vũ (tay trái) **Khư Tra Ca**
Như trước ngay tim mình
Múa xong, thế ném hoa

Mở nửa mắt, mặt cười
Chiêm ngưỡng nơi Bản Tôn
Đại Thích Ý Kim Cương
Bất Không Tiễn Ấn Tướng
Pháp Giới Thể Tính Trí
Do đây hay trụ giữ

Mắt Đại Thích Duyệt quán
Bản Tôn, mặt Thánh Giả
Đại Thích Duyệt nhìn Ấn
Người ít Phước cũng thành

Mau Nguyên, dung mạo dữ
Gia trì Đại Thành Tựu
Lại nên khiến hiện chứng
Vượt thẳng dòng Ngoại Đạo

Đại Tích Duyệt Kim Cương
Tràng Phan Trang Nghiêm Ấn
Dương trông mắt nhìn liếc
Định (tay trái) làm **Khư Tra Ca**
Tuệ (tay phải) kên kết ba phan
Như trước, tướng xoay múa
Cũng làm thế ném hoa
Lễ **Tên** ấy, Ấn thành
Các người Trời ba cõi

Cung kính sẽ cúng dường

Tiếp năm cách nhìn trước
Bốn Tôn, **Hồng Tụ Minh**
Nay Nguyễn, **Mạn Ấn** và
Còn lại, Yết Ma Khế
Đều tụng câu Chân Ngôn
Như trước không có khác

Nơi thành thân Đại Thánh
Pháp Giới Thể Tính Trí
Như trước tham nhiệm nhìn
Viên Tịch khiến nhìn ngó

Lại hơi mở con mắt
Mí mắt nên động nhìn
Tên ấy, viết **Minh** nhìn
Dùng đây thỉnh Bản Tôn
Nhập vào khắp thể mình
Thân tâm ái nhiệm tưởng
Phụng sự nơi Thánh Giả
Ấn Lực Khế, Chân Ngôn
Biết tự tính đều đạt
Tất Đỏa nhân đây trụ
Nay tu phương tiện này
Nên ta sẽ thành tựu

Y Giáo vòng Cúng Dường
Tiếp dụng **Tịch Trừ Ấn**
Kim Cương Xí Thịnh Nhật
Tam Muội Gia là tên
Hai Vũ (2 bàn tay) cài chéo trong (Nội tương xoa)
Tám Độ (8 ngón tay) trợ dính chuông (lòng bàn tay)
Duỗi Thiên Trí (2 ngón cái) hợp mặt
Như chà, liền Hư Quyền
Chuyển trái hay Tịch Ma
Chuyển phải Kết Giới khắp
Tiếng **Hồng** (HŪM) như sấm nổ
Tùy ý làm đề phòng

Ngay Thắng Giải suy tư
Tất cả Hư Không Giới
Hương xoa, đèn, ăn uống
Vòng hoa với hương đốt
Quần áo, lọng, phướng, phan
Quạt, phất, Ca, Bảo Đạc (chuông lắc tay báu)
Diệu Vũ (múa hay) và cung điện
Nghĩ cúng dường thù thắng
Nay ta biến hóa thành

(16) tát phộc bờ đề (17) ma ha bột đà (18) bột đà, bột đà ngật-la (19) nhã ma nhạ (20) phộc nhật-la , hồng ca la (21) hồng ca la (22) lộ kế thấp-phộc la (23) ma ni bát-la na (24) ma ha la già (25) ma ha tảo khur-dã (26) ca ma mục khur-xoa (27) ma ha đà na (28) đát-lý ca la (29) tát-đát-lý bà phộc (30) tát-đát-lý-dã ngật-la-dã (31) đát-lý lộ ca ngật la (32) đát-lý đà đồ ca (33) tát-tha phộc la (34) bát-la bà phộc vi-dã cật-đa (35) tô tô cật-xoa-ma (36) tát-thố la tán giả diệm (37) nhượng già ma bát-la phộc la (38) bát-la bả-đế bà phộc (39) sa già la, thú đà na (40) a na địa nễ đà na điển đa kiến đa (41) bát-la-ca tát phộc ma thất-thể đa (42) hiệt-lý đa-mẫu na la (43) du già tam muội dược (44) đa đát-phộc tát đa-dã (45) ma ha ma hác (46) đà tha già đa (47) ma ha tát đà (48) đạt ma yết ma (49) ma ha bột đà (50) sa đạt ma sa đa-yết ma bạt tha (51) bờ đề chất đa (52) tổ mộ đà ca (53) phộc nhật-la củ-lỗ đà (54) ma ha củ-lỗ đà (55) nhập-phộc la bát-la dã, na ma cước (56) ma ha vi na dã (57) nỗ sắt-tra ngật-la (58) lỗ na-la, lao na-la (59) cật-xoa dụng, ca la (60) tát phộc thú địa (61) ma ha bạt na-ma (62) bát-la ngật-nhũ bá dã (63) ma ha na dã (64) la già thú địa (65) sa ma đình ngật-la (66) vĩ thấp-phộc la già (67) ma hề thấp-phộc la (68) a ca xá, nan đa-dã (69) nễ đồ phệ)70) tát phộc bột đà (71) ma ha la dã (72) vĩ bộ đề thất-lợi (73) vĩ mộ la nhạ (74) tát phộc xá (75) bạt lý bố la cước (76) Năng ma tát-đế tát-đổ (77) năng ma tát-đế tát-đổ (78) năng ma tát-đế tát-đổ (79) năng mưu năng mạc (80) bộ ngật-đồ hận đát-phạm (81) bát-la bạt đình minh (82) phộc nhật-la tát đát-phộc đình (83) tát đà mẫn (84)”

*)PARAMĀDYA MAHĀ-SATVA MAHĀ-RATA MAHĀ-RATI
SAMAMTABHADRA (?SAMANTA-BHADRA)_ SARVATMA (?SARVA ATMA)
VAJRA GARDHVA PATE PATE, CITTA-SATVA SAMĀDHYAGRA VAJRA
VAJRA MAHĀ-DHANA SAMAMTABHADRA (?SAMANTA-BHADRA)
CARYĀGRA, MĀRA MĀRA PRAMARDAKA_ SARVA BODHE MAHĀ-BUDDHA
BUDDHA BUDDHAGRA JAMMA JAḤ _ VAJRA- HŪM-KARA HŪM-KARA
LOKEŚVARA MAṆI PRADA MAHĀRAGA, MAHĀ-SAUKHYA KAMA (?KĀMA)
MOKṢA, MAHĀ-DHANA TRILA (?TRIKĀRA) STRIBHAVA STRI ŚGRYA
TRILOKĀGRA TRIDHĀTRAKA (?TRIDHĀTVAKA) SPHĀVARA (?STHAVARA)
PRABHAVA VYAKTA SUSUKṢMA SPHULA (?SPHURA) SAMCAYAM
JAMGAMA PRAVARA PRAPTE BHAVA SAGARA (?SĀGARA) ŚODHANA _
ANADINI DHANĀTYAMTA KĀMTA PRĀKA _ SARVA MOSPHITAḤ
HTTMADRĀ YOGA SAMAYAḤ TATVA SĀTYA _ MAHĀ-MAHAḤ
TATHAGATA (?TATHĀGATA) MAHĀ-SIDDHA DHARMMA (?DHARMA)
KARMMA (?KARMA) MAHĀ-BUDHA (?MAHĀ-BODHA) SADHARMMA
(?SADDHARMA) SAKARMMA (?SAKARMA) PATHĀ BODHI-CITTA
SUBODHAKA _ VAJRA-KRADHA (?VAJRA-KRODHA) MAHĀ-KRODHA JVALA
PRALAYA DĀMAKAḤ MAHĀ-VINAYADDHAṢṬĀGRA RUDRA RAUDRA
KṢAYAM KARAḤ_ SARVA ŚUDDHI MAHĀ-PADMA PRAJÑĀPAYA MAHĀ-
NAYA RĀGA SIDDHI SAMADHYĀGRA VIŚVA-RAGA (?RĀGA) MAHEŚVARA
_ ĀKĀŚĀNAM TYANI TYOVAI, SARVA BUDDHA MAHĀLAYA VIBHŪTI ŚRĪ
VIBHORAJA SARVA ŚĀPARIPRAKAH _ NAMASTESTU (?NAMOSTUTE)
NAMASTISTU (?NAMOSTUTE) NAMASTESTU (?NAMOSTUTE) NAMO NAMAḤ
GUKTO HAM VĀM PRAPADYĀMI VAJRA-SATVĀTYA MIDDHA (?SIDDHA)
MĀM

Nếu tri Tán Vương này

Kim Cương Pháp Ngũ Tụng

Sẽ thành tựu sở lạc (mọi điều ưa thích)

Mau chóng không quan hệ

Mỗi ngày nên kíp thời

Viên Minh (vòng sáng tròn trịa) chày Ngũ Phong
Vớ thành tựu thân mình
Đồng chân nghi Tát Đỏa
Quán tướng thật rõ ràng
Bán Già, phải đẽ trái
Liên hợp Kim Cương Chương

_ Lại bày Kiên Cố Phộc
Khai Tâm (mở tim) **Biến Nhập Ấn**
Tam Muội Quyền (quyền trái) cũng vậy
Xoay **Kim Cương Mạn Ấn**

_ Ấn năm Phật (Ngũ Phật Ấn) mao báu
Cột vòng hoa, rũi đai
Gia nhập khiến vô tay (phách chuông)
Tam Muội Khế hộ trì
Lại Ấn này thỉnh Tôn
Giáng vào trong thân mình

_ Tám **Cúng Dường** vân tập
Như lúc trước. an lập
Đều y nơi Đại Không
Bày vị trí, quán niệm
Rõ ràng la liệt xong
Bày **Kim Cương Mạn Khế**
Các Tôn **Cúng Dường** khác
Đều dùng **Yết Ma Ấn**

_ Nay chỉ Tiêu Khế Hiệu
Tướng ấy, trước đã bày
Đều tụng Bản Chân Ngôn
Kèm vận tâm cúng dường
Quán thân sắc trống rỗng
Chân thật nhìn Bản Tôn
Y như Thắng Giải này
Quyết định không nghi ngờ
Nhân Duyên, loài Hữu Tình
Ngộ **Bản** (gốc) đều thành **Không** (trống rỗng)
Phàm ngộ việc trang nghiêm
Dòng thù đặc thích ý
Diệt ấy, đều quán **Không** (trống rỗng)

_ Tiếp nữa, lại tái lập
Đều thành thanh tịnh xong
Tướng cúng dường Bản Tôn
Kèm xưng **Án Tự Minh**
Đồng Phổ Hiền, thọ dụng

_ Lại bày **Tiên Hành Pháp**

Tùy nơi mà tu tập
Số đủ một lạc xoa
Như trước, ngày đêm tụng

Nếu tinh chuyên một tháng
Hai tháng hoặc nửa tháng
Cảnh Tướng sẽ hiện tiền
Tùy ý cầu thành tựu
Vui lên Chủng Phật Vị
Bồ Tát với Bán Tôn
Tin xong, tức thân ấy
Mới quyết định, liền chứng
Tuy chướng nặng, lười biếng
Đời này mau chóng được
Môn Đại Lạc Vi Diệu
Nhân Giả nên tôn phụng

KIM CƯƠNG ĐỈNH THẮNG SỞ DU GIÀ KINH TRUNG LƯỢC XUẤT
ĐẠI LẠC KIM CƯƠNG TÁT ĐOẢ NIỆM TỤNG NGHI QUỸ
Hết

Hiệu chỉnh xong vào ngày 16/04/2013